

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 4 năm 2019

“Về việc Ly hôn; tranh chấp
nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cư

Bà Nguyễn Thị Tiến

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 659/TLST-HNGĐ ngày 07-12-2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12-3-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28-3-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1984; ĐKKHKT: khu M, phường Thanh Bình, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Trú tại: số A phố B, khu N, phường Tân Bình, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1977; ĐKKHKT và trú tại: số nhà S phố M, khu C, phường Thanh Bình, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2018, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng T được tự do tìm hiểu nhau, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 26 tháng 10 năm 2000. Đến ngày 25-10-2001, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, anh T không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên đến năm 2009 chị đã về nhà

bố mẹ đẻ ở tại địa chỉ số số A phố B, khu N, phường Tân Bình, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương sinh sống, anh T có đến tìm nhưng chị không về, anh yêu cầu chị đưa tiền, chị không đưa tiền anh đã đánh chị. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay và nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đăng T có 03 con chung: Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/10/2001 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/6/2005 hiện đang ở với chị, còn con chung Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 29/7/2006 hiện đang ở với anh T. Sau khi ly hôn, tôi nhận nuôi 2 con chung là H và N, còn anh T tiếp tục nuôi con chung Q và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Chị buôn bán thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng đảm bảo nuôi 2 con chung ăn học.

Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Th có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương vào ngày 25-10-2001. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th và mẹ chồng không hợp nhau, thời gian sau khi sinh con Nguyễn Đăng Q, chị Th đã bỏ con không cho bú, về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 02/3/2009, anh có đến tìm nhưng chị Th không về, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Th có đơn ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị Th có 03 con chung: Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/10/2001 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/6/2005 hiện đang ở với chị Th, còn con chung Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 29/7/2006 hiện đang ở với anh. Anh không nhất trí ly hôn nên không có đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung không có đề nghị giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu :

-Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Đăng T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/10/2001 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/6/2005; giao cho anh Nguyễn Đăng T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 29/7/2006 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng: Chị Lê Thị Th có đơn khởi kiện nộp Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết về việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh Nguyễn Đăng T, ĐKKHTT và cư trú tại: số nhà S phố M, khu C, phường Thanh Bình, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[II] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Đăng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 25-10-2001, theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Th giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn anh Nguyễn Đăng T; trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không nhất trí ly hôn. HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn chị Th và anh T có thời gian 8 năm chung sống hạnh phúc. Theo chị Th khai vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, anh T không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình; theo lời khai của anh T nguyên nhân do mâu thuẫn mẹ chồng, nàng dâu không hòa hợp, chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2009. Anh T cũng thừa nhận anh và chị Th không chung sống với nhau từ năm 2009. Trên thực tế, chị Th và anh T đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, trong cuộc sống chung không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, theo xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Th đã không sinh sống tại gia đình anh T và địa phương từ 9 năm đến 10 năm nay. Như vậy, giữa chị Th và anh T, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn thương yêu, chăm sóc nhau, không cùng chăm lo gia đình đã 10 năm.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Đăng T đã có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Th là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[III] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Đăng T đều thừa nhận có 03 con chung: Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/10/2001, Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/6/2005, Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 29/7/2006. Xét yêu cầu của các đương sự, thấy rằng: Theo nguyện vọng của con chung N, H được ở với mẹ, con chung Q được ở với bố. Thực tế thì con chung N, H hiện đang ở với mẹ, con chung Q đang ở với bố. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, học tập và nguyện vọng của các con chung nên cần tiếp tục giao cho chị Lê Thị Th nuôi dưỡng 2 con chung Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/10/2001 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/6/2005; anh Nguyễn Đăng T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 29/7/2006 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th nuôi dưỡng 02 con chung, anh T nuôi dưỡng 01 con chung nhưng chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

[IV] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Đăng T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[V] Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Đăng T.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 11/10/2001 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/6/2005 cho chị Lê Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Đăng Q, sinh ngày 29/7/2006 cho anh Nguyễn Đăng T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Đăng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0002766 ngày 03-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Th đã thực hiện xong về nghĩa vụ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm; bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND P.Thanh Bình, TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu